TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02 /**2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/01/2024
"*Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thể và ông Nguyễn Sơn Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 440/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trịnh Thị Ph.**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt)*.

- *Bị đơn:* Anh **Triệu Thanh B.**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 10 năm 2023 chị Trịnh Thị Ph. có đơn khởi

kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Thanh B..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Ph. trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh B. đua đòi rượu chè, cờ bạc và thường xuyên ghen tuông vô cớ, do bất đồng quan điểm, có đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được thôn, xã, nhà trường hòa giải nhưng không thành, vợ chồng hiện sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Thanh B..

Lời khai bị đơn anh Triệu Thanh B. có trong hồ sơ thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc. Đầu năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chị Ph. có nhắn tin gọi điện thoại cho người đàn ông khác bị anh bắt được nên xảy ra xích mích. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn vì muốn hai vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. có 02 con chung là Triệu Thị Vân A., sinh ngày 23/09/2009 và Triệu Trịnh H., sinh ngày 08/02/2015. Quá trình giải quyết chị Ph. có quan điểm nhận nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, không yêu cầu anh B. cấp dưỡng nuôi con; anh B. có quan điểm nhận nuôi dưỡng cháu H., giao cháu Vân A. cho chị Ph. nuôi dưỡng, giáo dục.

Lời khai của cháu Triệu Thị Vân A. và Triệu Trịnh H. có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của các cháu muốn được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. không có, không đề nghị giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Triệu Thanh B. và chị Trịnh Thị Ph. có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh B. và chị Ph. kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Đồng Chanh, xã L.. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, cùng nhau làm ăn. Đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh B. nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, có đánh cãi chửi nhau, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Mâu thuẫn đã được thôn và gia đình hòa giải nhưng không thành.

Anh Triệu Thanh B. làm lao động tự do, có mặt ở địa phương, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B. vẫn không đến Tòa án làm việc. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn mà không tiến hành hòa giải.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. kết hôn vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Trịnh Thị Ph. được ly hôn với anh Triệu Thanh B.; Giao hai cháu Triệu Thị Vân A., sinh ngày 23/09/2009 và Triệu Trịnh H., sinh ngày 08/02/2015 cho chị Trịnh Thị Ph. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Trịnh Thị Ph. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Thanh B. và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "*ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh B. nhiều lần nhưng anh B. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Ph. có mặt, bị đơn anh Triệu Thanh B. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 17/10/2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, có đánh cãi chửi nhau, có được thôn xã, gia đình hòa giải nhưng không thành, vợ chồng hiện sống ly thân. Tháng 10/2023 chị Trịnh Thị Ph. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Thanh B., anh B. không đồng ý ly hôn với chị Ph..

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ

sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trịnh Thị Ph. được ly hôn với anh Triệu Thanh B..

2.2. Về con chung: Chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. có 02 con chung là Triệu Thị Vân A., sinh ngày 23/09/2009 và Triệu Trịnh H., sinh ngày 08/02/2015.

Xét thấy, cháu Triệu Thị Vân A. và Triệu Trịnh H. là con chung của chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Quá trình giải quyết chị Ph. có quan điểm được nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu, anh B. có quan điểm nhận nuôi dưỡng đối với cháu H.. Lời khai của các con chung có trong hồ sơ thể hiện cháu Triệu Thị Vân A. và Triệu Trịnh H. cùng có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn; xét điều kiện kinh tế, nguyện vọng của các đương sự và các con chung, căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao các cháu Triệu Thị Vân A., sinh ngày 23/09/2009 và Triệu Trịnh H., sinh ngày 08/02/2015 cho chị Trịnh Thị Ph. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Thanh B. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về công nợ chung: Chị Trịnh Thị Ph. và anh Triệu Thanh B. không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trịnh Thị Ph. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị Ph. được ly hôn với anh Triệu Thanh B..

2. Về con chung: Giao hai cháu Triệu Thị Vân A., sinh ngày 23/09/2009 và Triệu Trịnh H., sinh ngày 08/02/2015 cho chị Trịnh Thị Ph. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Thanh B. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Ph. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000712511 ngày 12/10/2023 ký bởi Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002987 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Trịnh Thị Ph. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ph. được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Anh B. được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyên SD;
- Chi cục THADS huyện SD*;*
- *UBND xã L.;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến